

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 16
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011
đã được kiểm toán

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3-8
Báo cáo kiểm toán	9
Báo cáo Tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	10-12
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	13
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	14
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	15-32



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Licogi 16 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Licogi 16 được thành lập theo Quyết định số 327/QĐ-BXD ngày 28/02/2006 của Bộ Xây dựng. Tên giao dịch quốc tế là Licogi 16 Joint Stock Company, viết tắt là Licogi 16. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 4103004836 đăng ký lần đầu ngày 14/04/2005 sau chuyển thành giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302310209 (đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 02/06/2011) do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Ngành nghề kinh doanh là:

Xây dựng nhà các loại

Chi tiết: Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp

Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ

Chi tiết: Thi công xây dựng các công trình giao thông

Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại

Chi tiết: Gia công, chế tạo các sản phẩm cơ khí xây dựng (không hoạt động tại trụ sở)

Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác

Chi tiết: Mua bán, cho thuê thiết bị vật tư kỹ thuật. Mua bán máy móc, vật tư ngành xây dựng

Sửa chữa máy móc, thiết bị

Chi tiết: Dịch vụ sửa chữa, lắp đặt máy móc, thiết bị

Lắp đặt hệ thống xây dựng khác

Chi tiết: Dịch vụ lắp đặt các sản phẩm cơ khí và kết cấu định hình

Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan

Chi tiết: Thí nghiệm vật liệu xây dựng

Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét

Chi tiết: Khai thác đá. Khai thác đá có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp

Đào tạo cao đẳng

(không hoạt động tại trụ sở)

Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác

Chi tiết: Thi công xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện, sân bay, bến cảng, đường dây và các trạm biến thế điện; các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu công nghiệp; các công trình cấp thoát nước và vệ sinh môi trường, nền móng công trình

Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn

Chi tiết: Dịch vụ sửa chữa các sản phẩm cơ khí và kết cấu định hình

Sản xuất các cấu kết kim loại

Chi tiết: Gia công, chế tạo cốp pha định hình, dàn giáo, khung nhà công nghiệp (Không hoạt động tại trụ sở)

Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính

Chi tiết: Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)

Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê

Chi tiết: Đầu tư, kinh doanh nhà ở, khu đô thị mới, hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp

Sản xuất, truyền tải và phân phối điện

Chi tiết: Đầu tư, kinh doanh các dự án thủy điện vừa và nhỏ

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 16

Địa chỉ: 24A, Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh

Cho thuê xe có động cơ

Chi tiết: Thí nghiệm vật liệu xây dựng

Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao

Chi tiết: Sản xuất, mua bán vật tư, thiết bị, phụ tùng và các loại vật liệu xây dựng, ống cống bê tông, bê tông thương phẩm (không hoạt động tại trụ sở)

Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp

Chi tiết: Lắp đặt máy móc, thiết bị

Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác

Chi tiết: Cho thuê thiết bị vật tư kỹ thuật

Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng

Chi tiết: Mua bán vật tư ngành xây dựng

Giáo dục nghề nghiệp

Chi tiết: Đào tạo nghề. Giáo dục trung cấp chuyên nghiệp (không hoạt động tại trụ sở)

Vốn điều lệ của Công ty là: 562.499.560.000 đ (Năm trăm sáu hai tỷ đồng, bốn trăm chín chín triệu, năm trăm sáu mươi ngàn đồng). Trụ sở chính của Công ty tại số 24A Phan Đăng Lưu, Phường 6 Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh.

Công ty con

1, Công ty TNHH Xây dựng Thương mại và Dịch vụ Điền Phước

Địa chỉ : 49B Phan Đăng Lưu, Q Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh

Vốn điều lệ : 150.000.000.000 đồng

Tỷ lệ vốn góp : 95%

Quyền biểu quyết : 95%

Hoạt động kinh doanh : Xây dựng, đầu tư khu đô thị

2, Công ty TNHH Siêu Thành

Địa chỉ : 24A Phan Đăng Lưu, Q Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh

Vốn điều lệ : 50.000.000.000 đồng

Tỷ lệ vốn góp : 98%

Quyền biểu quyết : 100%

Hoạt động kinh doanh : Xây dựng, đầu tư khu đô thị

3, Công ty cổ phần Licogi 16.6

Địa chỉ : Tầng 4, tòa nhà Công ty 34, Khuất Duy Tiến, Thanh Xuân, Hà Nội

Vốn điều lệ : 60.000.000.000 đồng

Tỷ lệ vốn góp : 56,65%

Quyền biểu quyết : 56,65%

Hoạt động kinh doanh : Thi công xây lắp, sản xuất vật liệu xây dựng

4, Công ty cổ phần Licogi 16.9

Địa chỉ : KCN Nghi Sơn, Hải Thượng, Tĩnh Gia, Thanh Hóa

Vốn điều lệ : 25.000.000.000 đồng

Tỷ lệ vốn góp : 56,8%

Quyền biểu quyết : 56,8%

Hoạt động kinh doanh : Thi công xây lắp, sản xuất vật liệu xây dựng

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 16

Địa chỉ: 24A, Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh

Công ty liên kết**1, Công ty cổ phần Licogi 16.1**

Địa chỉ : 36/5 đường D25, P25, Q Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh
Vốn điều lệ : 17.249.980.000 đồng
Tỷ lệ vốn góp : 40%
Quyền biểu quyết : 40%
Hoạt động kinh doanh : Thi công xây lắp

2, Công ty cổ phần Licogi 16.2

Địa chỉ : 24A Phan Đăng Lưu, Q Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh
Vốn điều lệ : 20.000.000.000 đồng
Tỷ lệ vốn góp : 40.7%
Quyền biểu quyết : 40.7%
Hoạt động kinh doanh : Thi công xây lắp, đầu tư kết cấu hạ tầng KCN, thủy điện vừa và nhỏ

3, Công ty cổ phần Licogi 16.5

Địa chỉ : Đường D2, KCN Nhơn Trạch I, Đồng Nai
Vốn điều lệ : 30.000.000.000 đồng
Tỷ lệ vốn góp : 49%
Quyền biểu quyết : 49%
Hoạt động kinh doanh : Thi công xây lắp, sản xuất vật liệu xây dựng

4, Công ty cổ phần Licogi 16.8

Địa chỉ : 169 Bàu Cát, P14, Q Tân Bình, TP Hồ Chí Minh
Vốn điều lệ : 11.000.000.000 đồng
Tỷ lệ vốn góp : 36,36%
Quyền biểu quyết : 36,36%
Hoạt động kinh doanh : Tư vấn, thiết kế, giám sát

5, Công ty cổ phần Cơ khí Licogi 16

Địa chỉ : 49B Phan Đăng Lưu, Q Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh
Vốn điều lệ : 24.278.500.000 đồng
Tỷ lệ vốn góp : 46,15%
Quyền biểu quyết : 46,15%
Hoạt động kinh doanh : Chế tạo, gia công sản phẩm cơ khí xây dựng

6, Công ty CP Đầu tư và PT Hạ tầng Nghi Sơn

Địa chỉ : Hải Thượng, Tỉnh Gia, Thanh Hóa
Vốn điều lệ : 187.500.000.000 đồng
Tỷ lệ vốn góp : 45%
Quyền biểu quyết : 45%
Hoạt động kinh doanh : Xây dựng, đầu tư hạ tầng, bất động sản

7, Công ty TNHH KĐT Phú Hội

Địa chỉ : Khu dân cư Long Tân, Nhơn Trạch, Đồng Nai
Vốn điều lệ : 56.000.000 USD
Tỷ lệ vốn góp : 30%
Quyền biểu quyết : 30%
Hoạt động kinh doanh : Đầu tư kinh doanh bất động sản

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 16

Địa chỉ: 24A, Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh

8, Công ty CP Điện Lực Licogi 16

Địa chỉ : 24A Phan Đăng Lưu, Q Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh
 Vốn điều lệ : 8.712.500.000 đồng
 Tỷ lệ vốn góp : 40,17%
 Quyền biểu quyết : 40,17%
 Hoạt động kinh doanh : Xây dựng các công trình điện

9, Công ty TNHH Nhiên liệu Sinh Học Phương Đông

Địa chỉ : P Tân Bình, Đồng Xoài, Bình Phước
 Vốn điều lệ : 31.000.000 USD
 Tỷ lệ vốn góp : 22%
 Quyền biểu quyết : 22%
 Hoạt động kinh doanh : Sản xuất Ethanol nhiên liệu

10, Công ty TNHH XD và TM 12

Địa chỉ : P Hiệp Thành, Quận 12, TP Hồ Chí Minh
 Vốn điều lệ : 35.000.000.000 đồng
 Tỷ lệ vốn góp : 40%
 Quyền biểu quyết : 40%
 Hoạt động kinh doanh : Thi công xây dựng dân dụng, công nghiệp, đầu tư bất động sản

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên trong Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty tại thời điểm lập báo cáo này gồm có :

Hội đồng quản trị:

Họ và tên	Chức vụ
Ông : Bùi Dương Hùng	Chủ tịch
Ông : Vũ Công Hưng	Ủy viên
Ông : Hoàng Minh Khai	Ủy viên
Ông : Lê Văn Công	Ủy viên
Bà : Đặng Phạm Minh Loan	Ủy viên

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Ông : Vũ Công Hưng	Tổng Giám đốc
Ông : Hoàng Minh Khai	Phó Tổng Giám đốc
Ông : Bùi Đông Hoàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông : Trịnh Thế Dũng	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2011 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn Kế toán và Kiểm toán Việt Nam - đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán theo qui định của Bộ Tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác. Ban Tổng giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Ban giám đốc Công ty cũng cam kết rằng việc không hợp nhất Báo cáo tài chính của một số Công ty liên kết như đã nêu tại trang 16 trên bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất không làm ảnh hưởng trọng yếu đến tình hình tài chính của toàn Công ty.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

TP Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2012

TM. Ban Giám đốc

Tổng Giám đốc



PHÊ DUYỆT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chúng tôi, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Licogi 16 phê duyệt Báo cáo Tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011.

TP Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2012

THAY MẶT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Bùi Dương Hùng

Chủ tịch Hội đồng quản trị

LICOGI 16

Số: 1410 /BCKT-TC/NV7

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo Tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 của Công ty Cổ phần Licogi 16

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Licogi 16

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2011 của Công ty Cổ phần Licogi 16 lập ngày 20 tháng 02 năm 2012 gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 được trình bày từ trang 10 đến trang 32 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Licogi 16. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Licogi 16 tại ngày 31/12/2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



Ngô Quang Tiến
Phó giám đốc

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0448/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN VIỆT NAM (AVA)

Hà Nội, Ngày 08 tháng 03 năm 2012



Trần Trí Dũng
Kiểm toán viên

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0895/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
TÀI SẢN				
100	A. Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+140+150)		1.239.230.693.897	1.187.771.132.873
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	56.947.867.692	24.039.260.379
111	1. Tiền		43.468.935.742	24.039.260.379
112	2. Các khoản tương đương tiền		13.478.931.950	-
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu		655.392.180.292	480.316.449.970
131	1. Phải thu của khách hàng		386.417.613.635	269.121.839.732
132	2. Trả trước cho người bán		31.111.659.802	43.890.485.707
135	5. Các khoản phải thu khác	4	238.245.697.471	167.686.915.147
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(382.790.616)	(382.790.616)
140	IV. Hàng tồn kho	5	459.034.748.611	621.781.978.585
141	1. Hàng tồn kho		459.034.748.611	621.781.978.585
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		67.855.897.302	61.633.443.939
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		1.472.872.056	682.036.748
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		2.027.654.296	23.745.614.846
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		3.116.199.600	1.750.000
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	6	61.239.171.350	37.204.042.345
200	B. Tài sản dài hạn (200=210+220+240+250+260+269)		994.480.539.661	862.356.059.034
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		358.247.799.401	265.227.980.434
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	155.922.651.229	211.325.610.915
222	- Nguyên giá		436.320.147.913	319.719.712.098
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(280.397.496.684)	(108.394.101.183)
227	3. Tài sản cố định vô hình	8	22.229.730.634	22.229.730.634
228	- Nguyên giá		22.249.730.634	22.249.730.634
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(20.000.000)	(20.000.000)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	180.095.417.538	31.672.638.885
240	III. Bất động sản đầu tư		-	-
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		618.079.180.878	575.472.955.091
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	10	613.451.180.878	575.472.955.091
258	3. Đầu tư dài hạn khác	11	8.900.000.000	-
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)		(4.272.000.000)	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		1.033.559.382	2.015.123.509
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	794.743.931	1.413.123.509
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		236.815.451	-
268	3. Tài sản dài hạn khác	13	2.000.000	602.000.000
269	VI. Lợi thế thương mại		17.120.000.000	19.640.000.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)		2.233.711.233.558	2.050.127.191.907

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
NGUỒN VỐN				
300	A. Nợ phải trả (300 =310+330)		1.014.052.027.246	927.137.108.416
310	I. Nợ ngắn hạn		996.133.100.687	702.089.707.266
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	14	554.683.150.690	347.159.436.962
312	2. Phải trả cho người bán		131.193.836.286	122.065.728.040
313	3. Người mua trả tiền trước		32.257.767.269	5.137.103.975
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	112.478.025.189	122.010.477.611
315	5. Phải trả người lao động		7.612.524.047	3.530.906.580
316	6. Chi phí phải trả	16	77.451.861.254	36.273.838.033
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	17	36.727.063.456	24.930.663.216
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		8.094.459.932	14.424.340
323	11. Quỹ khen thưởng và phúc lợi		35.634.412.564	40.967.128.509
330	II. Nợ dài hạn		17.918.926.559	225.047.401.150
331	1. Phải trả dài hạn người bán		3.000.000	
333	3. Phải trả dài hạn khác		-	3.000.000
334	4. Vay và nợ dài hạn	18	17.270.500.212	224.860.638.953
335	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		-	
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		198.080.873	35.779.947
338	8. Doanh thu chưa thực hiện		447.345.474	147.982.250
400	B. Nguồn vốn chủ sở hữu (400=410+430)		1.158.065.300.925	1.115.435.878.682
410	I. Nguồn vốn chủ sở hữu	19	1.158.065.300.925	1.115.435.878.682
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		562.499.560.000	375.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		410.902.696.015	509.367.249.112
414	4. Cổ phiếu quỹ (*)		(23.624.368.356)	(785.000)
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		71.610.700.029	76.048.632.011
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		37.984.646.824	40.122.318.700
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		98.692.066.413	114.898.463.859
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
439	C. Lợi ích của cổ đông thiểu số		61.593.905.387	7.554.204.809
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.233.711.233.558	2.050.127.191.907

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CĐKT	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
5. Ngoại tệ các loại USD		1.362,37	

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2012

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thanh Bình

Hoàng Chí Phúc

Vũ Công Hưng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2011

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	1.517.823.248.430	1.011.543.855.869
02	2. Các khoản giảm trừ	21	8.186.361.744	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	1.509.636.886.686	1.011.543.855.869
11	4. Giá vốn hàng bán	23	1.227.948.695.230	820.173.274.218
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		281.688.191.456	191.370.581.651
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	17.653.329.383	29.939.034.318
22	7. Chi phí tài chính	25	100.302.531.816	49.902.676.470
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		92.890.050.240	27.558.592.206
24	8. Chi phí bán hàng		-	-
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		38.524.672.500	23.067.108.535
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		160.514.316.523	148.339.830.964
31	11. Thu nhập khác	26	5.724.659.898	95.681.825.869
32	12. Chi phí khác	27	4.946.689.637	4.120.648.749
40	13. Lợi nhuận khác		777.970.261	91.561.177.120
45	14. Phần lợi nhuận (lỗ) trong công ty liên kết, LD		27.134.806.261	31.001.550.934
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		188.427.093.045	270.902.559.018
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	29.166.964.031	35.441.416.934
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		(236.815.451)	488.437.647
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		159.496.944.465	234.972.704.437
61	19. Lợi ích của cổ đông thiểu số		5.283.624.891	(3.389.875.104)
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ		154.213.319.574	238.362.579.541
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	3.292	7.369

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thanh Bình

Kế toán trưởng



Hoàng Chí Phúc

Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2012
Tổng Giám đốc



Vũ Công Hưng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT HỢP NHẤT

Năm 2011

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		951.869.321.749	725.645.688.397
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(650.032.368.157)	(695.561.049.060)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(48.692.809.916)	(21.435.942.022)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(94.051.725.411)	(27.737.390.977)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(55.055.692.238)	(52.009.905.439)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		167.614.324.936	69.746.167.719
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(100.048.550.782)	(75.729.682.096)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		171.602.500.181	(77.082.113.478)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản DH khác		(33.225.579.374)	(71.313.886.590)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác		2.822.995.199	1.200.000.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(26.443.000.000)	(207.423.189.935)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		23.300.000.000	499.020.082.560
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(101.810.570.161)	(135.129.352.822)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		6.495.690.812	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		6.584.360.787	16.738.790.973
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(122.276.102.737)	103.092.444.186
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu		(117.121.500)	(735.000)
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		779.508.126.799	403.698.096.040
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(720.320.571.588)	(484.626.883.729)
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(75.488.223.842)	(49.983.112.900)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(16.417.790.131)	(130.912.635.589)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		32.908.607.313	(104.902.304.881)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		24.039.260.379	128.941.565.260
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ			
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		56.947.867.692	24.039.260.379

Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thanh Bình

Hoàng Chí Phúc

Vũ Công Hưng



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Licogi 16 được thành lập theo Quyết định số 327/QĐ-BXD ngày 28/02/2006 của Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 4103004836 đăng ký lần đầu ngày 14/04/2005 sau chuyển thành giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302310209 (đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 02/06/2011) do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là: 562.499.560.000 đ (Năm trăm sáu hai tỷ đồng, bốn trăm chín mươi chín triệu, năm trăm sáu mươi ngàn đồng).

Trụ sở chính của Công ty tại số 24A Phan Đăng Lưu, Phường 6 Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh.

Ngành nghề kinh doanh là:

Xây dựng nhà các loại

Chi tiết: Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp

Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ

Chi tiết: Thi công xây dựng các công trình giao thông

Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại

Chi tiết: Gia công, chế tạo các sản phẩm cơ khí xây dựng (không hoạt động tại trụ sở)

Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác

Chi tiết: Mua bán, cho thuê thiết bị vật tư kỹ thuật. Mua bán máy móc, vật tư ngành xây dựng

Sửa chữa máy móc, thiết bị

Chi tiết: Dịch vụ sửa chữa, lắp đặt máy móc, thiết bị

Lắp đặt hệ thống xây dựng khác

Chi tiết: Dịch vụ lắp đặt các sản phẩm cơ khí và kết cấu định hình

Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan

Chi tiết: Thí nghiệm vật liệu xây dựng

Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét

Chi tiết: Khai thác đá. Khai thác đá có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp

Đào tạo cao đẳng

(không hoạt động tại trụ sở)

Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác

Chi tiết: Thi công xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện, sân bay, bến cảng, đường dây và các trạm biến thế điện; các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu công nghiệp; các công trình cấp thoát nước và vệ sinh môi trường, nền móng công trình

Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn

Chi tiết: Dịch vụ sửa chữa các sản phẩm cơ khí và kết cấu định hình

Sản xuất các cấu kết kim loại

Chi tiết: Gia công, chế tạo cốp pha định hình, dàn giáo, khung nhà công nghiệp (Không hoạt động tại trụ sở)

Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính

Chi tiết: Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)

Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê

Chi tiết: Đầu tư, kinh doanh nhà ở, khu đô thị mới, hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp

Sản xuất, truyền tải và phân phối điện

Chi tiết: Đầu tư, kinh doanh các dự án thủy điện vừa và nhỏ

Cho thuê xe có động cơ

Chi tiết: Thí nghiệm vật liệu xây dựng

Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao

Chi tiết: Sản xuất, mua bán vật tư, thiết bị, phụ tùng và các loại vật liệu xây dựng, ống cống bê tông, bê tông thương phẩm (không hoạt động tại trụ sở)

Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp

Chi tiết: Lắp đặt máy móc, thiết bị

Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác

Chi tiết: Cho thuê thiết bị vật tư kỹ thuật

Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng

Chi tiết: Mua bán vật tư ngành xây dựng

Giáo dục nghề nghiệp

Chi tiết: Đào tạo nghề. Giáo dục trung cấp chuyên nghiệp (không hoạt động tại trụ sở)

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết:

Tổng số các công ty con: 04 công ty

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 04 công ty

Số lượng các công ty con không được hợp nhất: 0 công ty

Danh sách các công ty con được hợp nhất:

1, Công ty TNHH Xây dựng Thương mại và Dịch vụ Điền Phước

Địa chỉ : 49B Phan Đăng Lưu, Q Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh
Vốn điều lệ : 150.000.000.000 đồng
Tỷ lệ vốn góp : 95%
Quyền biểu quyết : 95%
Hoạt động kinh doanh : Xây dựng, đầu tư khu đô thị

2, Công ty TNHH Siêu Thành

Địa chỉ : 24A Phan Đăng Lưu, Q Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh
Vốn điều lệ : 50.000.000.000 đồng
Tỷ lệ vốn góp : 98%
Quyền biểu quyết : 100%
Hoạt động kinh doanh : Xây dựng, đầu tư khu đô thị

3, Công ty cổ phần Licogi 16.6

Địa chỉ : Tầng 4, tòa nhà Công ty 34, Khuất Duy Tiến, Thanh Xuân, Hà Nội
Vốn điều lệ : 60.000.000.000 đồng
Tỷ lệ vốn góp : 56,65%
Quyền biểu quyết : 56,65%
Hoạt động kinh doanh : Thi công xây lắp, sản xuất vật liệu xây dựng

4, Công ty cổ phần Licogi 16.9

Địa chỉ : KCN Nghi Sơn, Hải Thượng, Tĩnh Gia, Thanh Hóa
Vốn điều lệ : 25.000.000.000 đồng
Tỷ lệ vốn góp : 56,8%
Quyền biểu quyết : 56,8%
Hoạt động kinh doanh : Thi công xây lắp, sản xuất vật liệu xây dựng

Tổng số các công ty liên kết: 10 công ty

- Số lượng các công ty liên kết được hợp nhất: 06 công ty
- Số lượng các công ty liên kết không được hợp nhất: 04 công ty

Danh sách các công ty liên kết không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

1, Công ty cổ phần Cơ khí Licogi 16

Địa chỉ : 49B Phan Đăng Lưu, Q Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh
Vốn điều lệ : 24.278.500.000 đồng
Tỷ lệ vốn góp : 46,15%
Quyền biểu quyết : 46,15%
Hoạt động kinh doanh : Chế tạo, gia công sản phẩm cơ khí xây dựng

2, Công ty TNHH KẾT PHÚ HỘI

Địa chỉ : Khu dân cư Long Tân, Nhơn Trạch, Đồng Nai
Vốn điều lệ : 56.000.000 USD
Tỷ lệ vốn góp : 30%
Quyền biểu quyết : 30%
Hoạt động kinh doanh : Đầu tư kinh doanh bất động sản

3, Công ty CP Điện Lực Licogi 16

Địa chỉ : 24A Phan Đăng Lưu, Q Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh
Vốn điều lệ : 8.714.500.000 đồng
Tỷ lệ vốn góp : 40,17%
Quyền biểu quyết : 40,17%
Hoạt động kinh doanh : Xây dựng các công trình điện

4, Công ty TNHH Nhiên liệu Sinh Học Phương Đông

Địa chỉ : P Tân Bình, Đồng Xoài, Bình Phước
Vốn điều lệ : 26.066.845 USD
Tỷ lệ vốn góp : 22%
Quyền biểu quyết : 22%
Hoạt động kinh doanh : Sản xuất Ethanol nhiên liệu

Lý do: Các Công ty kể trên chưa có số liệu tài chính năm 2011 tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Công ty TNHH Khu đô thị Phú Hội và Công ty TNHH Nhiên liệu Sinh học Phương Đông đều đang trong quá trình đầu tư dự án. Tuy nhiên, Ban giám đốc Công ty cổ phần Licogi 16 cam kết và cho rằng việc không hợp nhất các Công ty liên kết này theo phương pháp vốn chủ không làm ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn Công ty.

TRÁCH
SỬ VÀ
VI
TINH

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán hàng năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các văn bản hướng dẫn sửa đổi bổ sung.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty con do Công ty mẹ kiểm soát được lập cho cùng kỳ kế toán. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Báo cáo tài chính của Công ty con được lập cho cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính Công ty mẹ. Trong trường hợp cần thiết Báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các Công ty con là giống nhau.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Đầu tư vào Công ty liên kết

Công ty liên kết là Công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là Công ty con hay Công ty liên doanh của Công ty. Trong báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư.

Cổ tức, lợi nhuận được chia từ Công ty liên kết, liên doanh được ghi giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào Công ty liên kết trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào

Công ty liên kết cũng phải được điều chỉnh khi lợi ích của nhà đầu tư thay đổi do có sự thay đổi trong vốn chủ sở hữu của Công ty liên kết nhưng không được phản ánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty liên kết.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá mua so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty con, Công ty liên kết hoặc đơn vị nhận góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó và không quá 10 năm. Khi bán Công ty con hoặc Công ty liên kết, đơn vị nhận góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán Công ty tương ứng.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được ghi nhận theo các quy định hiện hành.

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp đích danh đối với các công trình xây dựng dở dang, theo phương pháp bình quân đối với nguyên nhiên vật liệu.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo quy định tại Thông tư 203/TT/BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài Chính.

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính. Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí trả trước dài hạn khác

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay. Tiền lãi vay phải trả đã được tính và phân bổ trung thực hợp lý vào Báo cáo tài chính trong kỳ.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận khi có biên bản nghiệm thu giá trị khối lượng hoàn thành hoặc quyết toán công trình hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành (25%).

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Năm 2011 Công ty được ưu đãi giảm 30% thuế TNDN phải nộp theo hướng dẫn tại thông tư 154/2011/TT-BTC của Bộ Tài Chính ngày 11/11/2011.

3 . Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tiền mặt	998.803.883	3.791.278.281
Tiền gửi ngân hàng	42.470.131.859	20.247.982.098
Các khoản tương đương tiền	13.478.931.950	-
Cộng	56.947.867.692	24.039.260.379

4 . Các khoản phải thu khác

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Chuyển nhượng Dự án Long Tân (83 ha)	-	83.653.883.285
Ban quản lý khu kinh tế Nghi Sơn	2.100.000.000	-
Phải thu về tiền góp vào Dự án Khương Thượng	2.100.000.000	2.100.000.000
Công ty cổ phần Licogi 16.2	36.321.341.198	-
Công ty cổ phần Licogi 16.5	762.470.596	-
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại 12	141.667.462.096	-
Công ty Cổ phần Cơ khí Licogi 16	19.632.921.110	15.130.798.888
Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng	-	26.926.630.000
Phải thu về cổ tức lợi nhuận được chia	890.000.000	-
Phải thu kinh phí công đoàn	-	44.453.587
Phải thu về bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội	-	17.531.896
Phải thu của ông Dương Văn Việt (chuyển nhượng vốn Công ty TM 12)	32.939.440.000	-
Phải thu khác	1.832.062.471	39.813.617.491
Cộng	238.245.697.471	167.686.915.147

5 . Hàng tồn kho

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	10.521.831.940	5.935.202.321
Công cụ, dụng cụ	3.127.692.267	-
Chi phí SXKD dở dang (*)	440.142.040.171	609.346.790.280
Hàng hóa bất động sản	5.243.184.233	6.499.985.984
Cộng giá gốc hàng tồn kho	459.034.748.611	621.781.978.585

(*) Chi tiết Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Chi phí sản xuất kinh doanh các dự án	174.666.961.633	436.839.226.100
Dự án Khu đô thị mới Bảo Lộc	69.260.171.160	49.548.603.862
Dự án Đô thị Nhơn Trạch 50 ha	30.912.560.509	27.578.964.598
Dự án Khu đô thị Nhơn Trạch 27 ha	74.494.229.964	33.516.543.524
Dự án Chung cư Nam An - P. Bình Hưng Hòa- Q.Tân Bình - Tp. HCM	-	51.561.712.078
Dự án Khu dân cư Điền Phước - Nhơn Trạch - Đồng Nai	-	46.432.953.252
Dự án cụm công nghiệp và dân cư Đông Thạnh - Huyện Hóc Môn	-	64.581.127.320
Dự án Khu dân cư Hiệp Thành - Quận 12 - TP Hồ Chí Minh	-	163.619.321.466
Chi phí sản xuất kinh doanh các công trình xây lắp	265.475.078.538	172.507.564.180
Cộng	440.142.040.171	609.346.790.280

6. Tài sản ngắn hạn khác	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	168.803.242	162.253.692
Tạm ứng	60.671.766.895	37.041.788.653
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	398.601.213	-
Cộng	61.239.171.350	37.204.042.345

7. Tài sản cố định hữu hình (phụ lục 1)

8. Tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy tính	Cộng TSCĐ vô hình
Nguyên giá TSCĐ					
Số đầu năm	22.229.730.634	-	-	20.000.000	22.249.730.634
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	22.229.730.634	-	-	20.000.000	22.249.730.634
Hao mòn TSCĐ					
Số đầu năm	-	-	-	20.000.000	20.000.000
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	-	-	-	20.000.000	20.000.000
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	22.229.730.634	-	-	-	22.229.730.634
Số cuối năm	22.229.730.634	-	-	-	22.229.730.634

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Xây dựng cơ bản dở dang	179.297.070.265	31.672.638.885
Nhà văn phòng Licogi 16.6 tại Đồng Nail	1.035.213.000	-
Trường Cao đẳng nghề KHUD Licogi	52.009.650.888	21.711.925.884
Dự án Khu đô thị mới Quận Cầu Giấy - Hà Nội	17.467.475.788	9.960.713.001
Dự án khu dân cư Điền Phước	52.748.384.751	-
Dự án chung cư Nam An	54.585.788.898	-
Các Công trình khác	1.450.556.940	-
Mua sắm tài sản	798.347.273	-
Dự án ERP	35.120.000	-
Máy móc thiết bị quản lý	763.227.273	-
Cộng	180.095.417.538	31.672.638.885

10. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Công ty CP Licogi 16.1	6.930.512.559	7.652.881.287
Công ty CP Licogi 16.2	9.870.738.439	8.989.007.265

Công ty CP Licogi 16.5	16.715.961.400	18.013.481.872
Công ty CP Licogi 16.6		17.294.372.143
Công ty CP Licogi 16.8	4.776.533.741	4.552.126.248
Công ty CP Licogi 16.9		14.903.489.113
Công ty CP Cơ khí Licogi 16	13.884.374.088	13.884.374.088
Công ty CP Đầu tư và PT hạ tầng Nghi Sơn	92.824.358.893	89.118.090.027
Công ty TNHH Khu đô thị Phú Hội	308.500.528.000	311.539.200.000
Công ty CP Điện lực Licogi 16	3.500.000.000	1.500.000.000
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại 12	42.939.440.000	-
Công ty TNHH NL sinh học Phương Đông	113.508.733.758	88.025.933.048
Cộng	613.451.180.878	575.472.955.091

Thông tin bổ sung về các công ty liên kết tại ngày 31/12/2011

Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích tại 31/12/2011	Q.biểu quyết tại 31/12/2011	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Licogi 16.1	40,00%	40,00%	Xây dựng, đầu tư
Công ty CP Licogi 16.2	40,70%	40,70%	Xây dựng, đầu tư
Công ty CP Licogi 16.5	49,00%	49,00%	Xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng
Công ty CP Licogi 16.8	36,90%	36,90%	Tư vấn, thiết kế, giám sát
Công ty CP Cơ khí Licogi 16	46,15%	46,15%	Chế tạo sản phẩm cơ khí xây dựng
Công ty CP Đầu tư và PT hạ tầng Nghi Sơn	45,00%	45,00%	Đầu tư kinh doanh bất động sản
Công ty TNHH Khu đô thị Phú Hội	30,00%	30,00%	Đầu tư kinh doanh bất động sản
Công ty CP Điện lực Licogi 16	40,17%	40,17%	Xây dựng các công trình điện
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại 12 (*)	40,00%	40,00%	Đầu tư kinh doanh bất động sản
Công ty TNHH NL sinh học Phương Đông	22,00%	22,00%	Sản xuất Ethanol nhiên liệu

(*) chuyển nhượng 40% vốn cho Ô Dương Văn Việt, theo đó tỷ lệ sở hữu giảm từ 80% xuống còn 40%

11 . Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường (cổ phiếu)	8.900.000.000	-
Cộng	8.900.000.000	-
Đã lập dự phòng giảm giá chứng khoán tại ngày 31/12/2011	(4.272.000.000)	

12 . Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Giá trị còn lại của CCDC đang sử dụng chờ phân bổ	374.446.529	1.345.300.782
Chi phí trả trước dài hạn khác	420.297.402	67.822.727
Cộng	794.743.931	1.413.123.509

13 . Tài sản dài hạn khác

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Ký quỹ dài hạn	2.000.000	602.000.000
Cộng	2.000.000	602.000.000

14. Vay và nợ ngắn hạn	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam	26.191.438.328	366.759.712
Ngân hàng TMCP An Bình	-	131.025.668.564
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	140.207.051.613	155.371.811.306
Ngân hàng LD Việt Lào - CN TP Hồ Chí Minh	39.398.124.503	
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN TP Hồ Chí Minh	267.345.653.795	
Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam - CN Chợ Lớn	18.651.504.442	
Ngân hàng BIDV - CN Hà Nội	26.955.104.091	
Ngân hàng TMCP Vietcombank	4.420.736.377	
Vay dài hạn đến hạn trả (xem chi tiết vay dài hạn)	31.513.537.541	60.395.197.380
Cộng	554.683.150.690	347.159.436.962

15. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Thuế GTGT đầu ra phải nộp	48.880.782.907	37.430.467.578
Thuế TNDN	61.553.290.881	83.429.821.782
Thuế thu nhập cá nhân	2.039.451.401	1.145.688.251
Các loại thuế khác	4.500.000	4.500.000
Cộng	112.478.025.189	122.010.477.611

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16. Chi phí phải trả	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Trích trước chi phí Dự án Long Tân	10.368.315.000	35.009.467.681
Lãi vay trích trước	2.654.227.163	361.273.761
Trích trước khác	4.729.653.433	-
Trích trước tiền điện, nước	37.248.750	37.590.597
Trích trước giá trị chuyển giao theo thanh lý HĐ 976	295.466.864	295.466.864
Trích trước chi phí bảo vệ tòa nhà 24A Phan Đăng Lưu	-	50.000.000
Trích trước chi phí cưỡng chế giải phóng mặt bằng Dự án 83 ha	306.420.000	306.420.000
Trích trước chi phí nhà máy Bản Chát	59.060.530.044	213.619.130
Cộng	77.451.861.254	36.273.838.033

17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Kinh phí công đoàn	1.123.371.938	513.311.037
Bảo hiểm xã hội, y tế	326.375.879	167.232.033
Bảo hiểm thất nghiệp	102.746.051	64.668.192
Bà Nguyễn Thị Thủy	1.050.300.000	-
Tổng Công ty CP Bảo Minh	-	1.909.800.000

Cổ tức phải trả	339.121.400	301.930.400
Viện máy và dụng cụ công nghiệp	-	7.845.162.517
Ký quỹ ký cược ngắn hạn	1.046.013.953	
Các khoản phải trả, phải nộp khác	32.739.134.235	14.128.559.037
Cộng	36.727.063.456	24.930.663.216

18. Vay và nợ dài hạn

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Vay dài hạn (*)	17.270.500.212	224.860.638.953
Trái phiếu phát hành	-	-
Cộng	17.270.500.212	224.860.638.953

(*) Chi tiết vay dài hạn cuối kỳ

Bên cho vay	Số dư nợ gốc cuối kỳ	Đến hạn trả trong kỳ tới	Số dư trên Cân đối kế toán
Ngân hàng BIDV Thanh Xuân	1.730.000.000	1.478.000.000	252.000.000
Ngân hàng BIDV Hà Nội	2.234.125.000	1.559.500.000	674.625.000
Ngân hàng An Bình	21.589.123.233	21.589.123.233	-
Ngân hàng Tiên Phong	17.580.789.520	4.395.197.380	13.185.592.140
Tổng Công ty TC cổ phần dầu khí Vn - CN Thanh Hóa	650.000.000	575.000.000	75.000.000
Ngân hàng Công Thương CN 1	5.000.000.000	1.916.716.928	3.083.283.072
Cộng	48.784.037.753	31.513.537.541	17.270.500.212

19. Nguồn vốn chủ sở hữu

a. Nguồn vốn chủ sở hữu (phụ lục 2)

	Lợi ích cổ đông thiếu số tại 31/12/2011	Số dư trên Báo cáo hợp nhất tại 31/12/2011
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	36.810.470.000	562.499.560.000
Thặng dư vốn cổ phần	2.090.798.743	410.902.696.015
Cổ phiếu quỹ (*)	-	(23.624.368.356)
Quỹ đầu tư phát triển	1.224.994.064	71.610.700.029
Quỹ dự phòng tài chính	688.924.675	37.984.646.824
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	20.778.717.905	98.692.066.413
Cộng	61.593.905.387	1.158.065.300.925

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Vốn góp của Nhà nước	-	-
Vốn góp của các cổ đông khác	562.499.560.000	375.000.000.000
Cộng	562.499.560.000	375.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm 2011	Năm 2010
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	375.000.000.000	250.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	187.499.590.000	125.000.000.000
+ Vốn góp giảm trong năm	30.000	-
+ Vốn góp cuối kỳ	562.499.560.000	375.000.000.000
- Cổ tức bằng tiền mặt công bố cho năm tài chính 2010 là 20%		-

d. Cổ phiếu

	31/12/2011	01/01/2011
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	56.249.956	37.500.000
- Số lượng Cổ phiếu đã phát hành	56.249.956	37.500.000
+ Cổ phiếu phổ thông	56.249.956	37.500.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	56.249.618	37.499.921
+ Cổ phiếu phổ thông	56.249.618	37.499.921
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu quỹ	338	79
+ Cổ phiếu phổ thông	338	79
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phần):	10.000	10.000

20. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2011	Năm 2010
Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa	25.479.421.439	832.080.907
Doanh thu hoạt động đầu tư các khu đô thị	3.449.547.770	125.940.649.393
Doanh thu các hợp đồng xây dựng	1.488.894.279.221	884.771.125.569
Cộng	1.517.823.248.430	1.011.543.855.869

21. Các khoản giảm trừ

	Năm 2011	Năm 2010
Hàng bán bị trả lại	8.186.361.744	-
Cộng	8.186.361.744	-

22. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2011	Năm 2010
Doanh thu thuần về bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	25.479.421.439	832.080.907
Doanh thu thuần hoạt động đầu tư các khu đô thị	(4.736.813.974)	125.940.649.393
Doanh thu thuần về các hợp đồng xây dựng	1.488.894.279.221	884.771.125.569
Cộng	1.509.636.886.686	1.011.543.855.869

23. Giá vốn hàng bán

	Năm 2011	Năm 2010
Giá vốn về bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	20.359.737.922	418.933.917
Giá vốn đầu tư các khu đô thị	(23.066.156.281)	55.145.698.788
Giá vốn hợp đồng xây dựng	1.230.655.113.589	764.608.641.513
Cộng	1.227.948.695.230	820.173.274.218

	Năm 2011	Năm 2010
24 . Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.751.104.529	16.750.555.176
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.214.121.225	9.278.203.054
Cổ tức, lợi nhuận sau thuế được chia	6.650.000.000	3.905.624.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	2.038.103.629	4.652.088
Cộng	17.653.329.383	29.939.034.318
25 . Chi phí tài chính		
Chi phí lãi vay	92.890.050.240	27.558.592.206
Chi phí tài chính khác	3.140.481.576	20.357.316.264
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	1.986.768.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác	4.272.000.000	-
Cộng	100.302.531.816	49.902.676.470
26 . Thu nhập khác		
Thu nhập từ thanh lý tài sản	910.838.181	3.549.816.240
Thu nhập từ chuyển nhượng vốn góp	-	85.461.534.605
Thu nhập khác	4.813.821.717	6.670.475.024
Cộng	5.724.659.898	95.681.825.869
27 . Chi phí khác		
Chi phí thanh lý tài sản	786.070.576	376.670.553
Chi phí thuế chậm nộp	3.967.971.532	-
Chi phí khác	192.647.529	3.743.978.196
Cộng	4.946.689.637	4.120.648.749
28 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29.166.964.031	35.441.416.934
Cộng	29.166.964.031	35.441.416.934
29 . Lãi cơ bản trên cổ phiếu		Năm 2011
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		154.213.319.574
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		154.213.319.574
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu kỳ		37.499.921
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ		46.848.955
Lãi cơ bản trên cổ phiếu		3.292

30 . Thông tin về các bên liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan, các nghiệp vụ chủ yếu sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch
Công ty Cổ phần Licogi 16.1	Công ty liên kết	Chi phí thầu phụ các công trình	20.282.597.427
		Nhượng vật tư	3.937.832.241
Công ty Cổ phần Licogi 16.2	Công ty liên kết	Nhượng vật tư	3.773.544.052
		Tiền điện, thuê VP	80.264.261
		Thi công nội thất	336.738.689
		Chi phí thầu phụ các công trình	77.252.917.806
		Góp vốn	140.000.000
Công ty Cổ phần Licogi 16.5	Công ty liên kết	Chi phí thầu phụ các công trình	36.236.587.904
Công ty Cổ phần Licogi 16.8	Công ty liên kết	Chi phí thầu phụ các công trình	408.311.320
C.ty TNHH Nhiên liệu SH Phương Đông	Công ty liên kết	Góp vốn	25.482.800.710
Công ty CP Điện lực Licogi 16	Công ty liên kết	Góp vốn	2.000.000.000

Cho đến ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Số dư
Phải thu		
Công ty Cổ phần Cơ khí Licogi 16	Công ty liên kết	23.352.850.033
Công ty TNHH TM và XD 12	Công ty liên kết	141.898.508.587
Phải trả		
Công ty Cổ phần Licogi 16.1	Công ty liên kết	1.670.472.607
Công ty Cổ phần Licogi 16.2	Công ty liên kết	6.706.851.884
Công ty Cổ phần Licogi 16.5	Công ty liên kết	13.761.980.524

31. SỐ LIỆU SO SÁNH

Năm 2011 Công ty tính toán bổ xung các khoản thuế phải nộp từ các niên độ kế toán trước, theo đó một số chỉ tiêu được điều chỉnh lại trên số dư số đầu năm, chi tiết như sau:

	Số dư 31/12/2010	Số dư 1/1/2011	Chênh lệch
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	55.692.738.843	122.010.477.611	66.317.738.768
Trong đó:			
Thuế GTGT	10.032.883.644	37.430.467.578	27.397.583.934
Thuế TNDN	44.509.666.948	83.429.821.782	38.920.154.834
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	181.216.202.627	114.898.463.859	-66.317.738.768

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán, một số chỉ tiêu đã được điều chỉnh và phân loại lại.

Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2012
Tổng Giám đốc

Người lập biểu

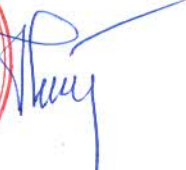


Nguyễn Thị Thanh Bình

Kế toán trưởng



Hoàng Chí Phúc



Vũ Công Hưng

20289
CÔNG TY
KIỂM TOÁN
KẾ TOÁN
VIỆT NAM

Phụ lục 1

7 . Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	TSCĐ dùng trong quản lý	TSCĐ thuộc loại khác	Cộng TSCĐ hữu hình
Nguyên giá TSCĐ						
Số đầu năm	37.531.349.097	264.112.064.505	16.716.130.888	1.117.985.790	242.181.818	319.719.712.098
Tăng trong kỳ	8.554.256.647	83.322.409.709	25.229.863.773	967.588.501	231.949.690	118.306.068.320
- Mua sắm	-	28.930.857.861	4.288.483.320	538.632.344	25.454.545	33.783.428.070
- Tăng khác	8.554.256.647	54.391.551.848	20.941.380.453	428.956.157	206.495.145	84.522.640.250
Giảm trong kỳ	-	-	1.349.224.896	85.958.791	270.448.818	1.705.632.505
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	1.209.941.576	-	-	1.209.941.576
- Giảm khác	-	-	139.283.320	85.958.791	270.448.818	495.690.929
Số cuối kỳ	46.085.605.744	347.434.474.214	40.596.769.765	1.999.615.500	203.682.690	436.320.147.913
Hao mòn TSCĐ						
Số đầu năm	1.880.182.249	100.460.986.671	4.899.183.761	911.566.684	242.181.818	108.394.101.183
Tăng trong kỳ	2.144.440.468	157.681.071.016	12.228.676.325	601.452.099	144.000.224	172.799.640.132
- Trích khấu hao TSCĐ	1.715.635.917	140.978.928.664	5.551.951.060	333.394.421	48.523.985	148.628.434.047
- Tăng khác	428.804.551	16.702.142.352	6.676.725.265	268.057.678	95.476.239	24.171.206.085
Giảm trong kỳ	-	-	458.691.829	75.597.427	261.955.375	796.244.631
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	423.871.000	-	-	423.871.000
- Giảm khác	-	-	34.820.829	75.597.427	261.955.375	372.373.631
Số cuối kỳ	4.024.622.717	258.142.057.687	16.669.168.257	1.437.421.356	124.226.667	280.397.496.684
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	35.651.166.848	163.651.077.834	11.816.947.127	206.419.106	-	211.325.610.915
Số cuối kỳ	42.060.983.027	89.292.416.527	23.927.601.508	562.194.144	79.456.023	155.922.651.229

19. Nguồn vốn chủ sở hữu

Phụ lục 2

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng vốn chủ sở hữu
Số dư đầu kỳ trước	250.000.000.000	510.675.309.329	(50.000)	50.642.357.622	26.144.783.637	180.705.940.366	1.018.168.340.954
Tăng vốn trong kỳ	125.000.000.000	-	(735.000)	-	-	-	124.999.265.000
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	-	-	238.362.579.541	238.362.579.541
Tăng khác trong kỳ	-	-	-	-	-	10.502.183.471	10.502.183.471
Ảnh hưởng của việc hợp nhất	-	(1.308.060.217)	-	2.885.012.415	1.477.535.063	(5.637.517.005)	(2.583.029.744)
Trích lập quỹ từ LN thuần	-	-	-	22.521.261.974	17.738.469.798	-	40.259.731.772
Chia cổ tức cho cổ đông	-	-	-	-	-	(49.999.990.000)	(49.999.990.000)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu thưởng	-	-	-	-	-	(125.000.000.000)	(125.000.000.000)
Phân phối LN trong kỳ	-	-	-	-	-	(67.716.993.746)	(67.716.993.746)
Giảm khác trong kỳ	-	-	-	-	(5.238.469.798)	(66.317.738.768)	(71.556.208.566)
Số dư cuối kỳ trước	375.000.000.000	509.367.249.112	(785.000)	76.048.632.011	40.122.318.700	114.898.463.859	1.115.435.878.682
Tăng vốn trong kỳ	187.499.590.000	-	(23.623.583.356)	-	-	-	163.876.006.644
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	154.213.319.574	154.213.319.574
Ảnh hưởng của việc hợp nhất	-	(1.939.466.874)	-	(4.437.931.982)	(2.137.671.876)	(2.924.205.243)	(11.439.275.975)
Tăng khác trong kỳ	-	-	-	-	-	30.000	30.000
Trích lập quỹ từ LN thuần	-	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức cho cổ đông	-	-	-	-	-	(74.999.838.000)	(74.999.838.000)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu thưởng	-	(96.525.086.223)	-	-	-	(90.974.503.777)	(187.499.590.000)
Phân phối LN trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác trong kỳ	(30.000)	-	-	-	-	(1.521.200.000)	(1.521.230.000)
4. Số dư cuối kỳ này	562.499.560.000	410.902.696.015	(23.624.368.356)	71.610.700.029	37.984.646.824	98.692.066.413	1.158.065.300.925